

Bản án số: 25/2019/HS-ST

Ngày: 25 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuấn.

2. Ông Nguyễn Đức Hậu.

Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 24/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đức H, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1967 tại Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 47, phường VH, quận HM, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tổ 11, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 04/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T (Bùi Đức H8) và bà Dương Thị T2 (đều đã chết); có vợ là Đỗ Thị Vân H9, sinh năm 1983, có 01 con, sinh năm 2009; Tiền sự: Không có;

Tiền án: 02;

- Tại bản án số 45/ST-HS ngày 13/3/1990 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản của công dân”, chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp án phí;

- Tại bản án số 977, ngày 12/8/1994 của Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 7 năm tù về tội “Hiếp dâm” và 7 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ”, 3 năm tù về tội “Chứa mại dâm”, tổng hợp hình phạt là 17 năm tù.

Nhân thân: Tại bản án số 317/2013/HSPT ngày 08/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt ngày 13/02/2014,

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến nay, (có mặt).

2. Lê Duy Đ5, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 04 tháng 6 năm 1973 tại Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Ê, con bà Nguyễn Thị ĐR (đều đã chết); có vợ thứ nhất là Nguyễn Thị G (đã ly hôn); vợ thứ hai là Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Đức H do Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên cử: Ông Bùi Văn L, Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Dương thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

Người chứng kiến:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951. (Vắng mặt)

2. Ông Phan Tiến D, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Đều cư trú: Tổ 11, phường QT, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

3. Bà Ma Thị X, sinh năm 1966. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 4, phường QV, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 23/01/2019, tổ công tác Công an thành phố Thái Nguyên làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 4, phường QV, thành phố Thái Nguyên phát hiện Lê Duy Đ5, sinh năm 1973, trú tại tổ 4, phường QV, thành phố Thái Nguyên có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra. Tại đây Đ5 đã tự lấy từ túi quần phía trước bên trái đang mặc ra 01 gói nilon, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng giao nộp cho tổ công tác, Đ5 khai là ma túy tổng hợp dạng đá. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đ5, số chất tinh thể màu trắng được thu giữ theo quy định (niêm phong ký hiệu Đ). Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của Lê Duy Đ5 tại tổ 4, phường QV, thành phố Thái Nguyên không phát hiện thu giữ gì.

Qua đấu tranh Đ5 khai nguồn gốc ma túy bị thu giữ trên là mua của Bùi Đức H, sinh năm 1967, trú tại tổ 11, phường QT, TP Thái nguyên, tỉnh Thái Nguyên với giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó mang về nhà cất giấu với mục đích để bán cho những người nghiện ma túy kiếm lời, nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt quả tang như nêu trên.

Trên cơ sở lời khai của Đ5, hồi 22 giờ 45 phút cùng ngày Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của Bùi Đức H tại tổ 11, phường QT, thành phố Thái Nguyên đã phát hiện thu giữ 01 gói giấy bạc màu vàng chứa chất bột màu trắng H khai là Herioin (niêm phong ký hiệu K); 01 cân điện tử nhãn hiệu POCKET SCALE. Trong khi Cơ quan điều tra đang khám H đã tự giác lấy từ trên bàn và trong tủ cạnh giường ngủ 02 gói nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu

trắng giao nộp cho Cơ quan điều tra, đồng thời H khai 02 gói đó là ma túy tổng hợp dạng “đá” (niêm phong ký hiệu H1, H2).

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất ma túy thu giữ của Lê Duy Đ5 và Bùi Đức H kết quả:

- Bì niêm phong ký hiệu Đ thu giữ của Đ5 có khối lượng 2,601gam, lấy toàn bộ 2,601gam chất tinh thể màu trắng niêm phong ký hiệu Đ1 gửi giám định.

- Bì niêm phong ký hiệu H1, H2 thu giữ của H có khối lượng 73,211gam, lấy 4,577gam niêm phong ký hiệu H3, H4 gửi giám định còn lại 68,634gam niêm phong ký hiệu H5 lưu kho theo quy định.

- Bì niêm phong ký hiệu K thu giữ của H có khối lượng 0,104gam, lấy toàn bộ 0,104gam chất bột màu trắng niêm phong ký hiệu K1 gửi giám định.

Tại kết luận giám định số: 358/KL-PC09 ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Bùi Đ9 H là chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là **73,211 gam**; Chất bột màu trắng thu giữ của Bùi Đức H là chất ma túy, loại Heroine có khối lượng **0,104 gam**.

Tại kết luận giám định số: 360/KL-PC09 ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Lê Duy Đ5 là chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là **2,601 gam**.

Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ của Đ5 và H 75,916gam

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/01/2019 một người nam giới (không rõ họ tên và địa chỉ) đến chỗ ở của H bán cho H một gói ma túy tổng hợp dạng đá với giá 27.000.000đ và cho H 01 gói Heroine để bán thử, H đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày Lê Duy Đ5 đến nhà H hỏi mua ma túy nên H đã bán cho Đ5 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá với giá 2.500.000đ. Số ma túy tổng hợp dạng đá còn lại và gói Heroine H cất giấu trong phòng ngủ với mục đích bán kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện thu giữ khi khám xét.

Ngoài ra Lê Duy Đ5 khai trước đó khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/01/2019 lấy ra 02 gói ma túy tổng hợp dạng đá từ số ma túy mua của H đến khu vực cổng trường PTTH Dương Tự Minh bán cho một người nam giới tên là C1 (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ) và một người nam giới là bạn của C1 (không rõ họ tên, địa chỉ) mỗi người một gói được số tiền 400.000đ và khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày Đ5 bán cho người tên là Đ9 (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ) một gói ma túy được 200.000đ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến.

Vật chứng vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu Đ1 bên trong ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 2,494gam; 01 bì niêm phong ký hiệu H3 bên trong có 3,519 gam Methamphetamine; 01 bì niêm phong ký hiệu H4 bên trong có 1,204 gam Methamphetamine; 01 bì niêm phong ký hiệu K1 bên trong có 0,094 gam Heroin mẫu H lại sau giám định. 01 bì niêm phong ký hiệu H5 bên trong có 68,634gam Methamphetamine; 01 cân điện tử nhãn hiệu POCKET SCALE, màu đen. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 23/CT - VKS - P1, ngày 13/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Bùi Đức H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; Truy tố Lê Duy Đ5 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Bùi Đức H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Duy Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Đức H từ 16 đến 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Duy Đ từ 3 đến 4 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019. Phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 7 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 05 bì niêm phong ký hiệu: Đ1, H3, H4, H5, K1, bên trong chứa ma túy; 01 cân điện tử nhãn hiệu POCKET SCALE, màu đen.

Truy thu đối với Bùi Đức H số tiền 2.500.000 đồng; đối với Lê Duy Đ5 số tiền 600.000 đồng do bán ma túy mà có.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Đức H xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại khoản 3 Điều 251 BLHS là đúng, Luật sư đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét về tiền án của bị cáo tại bản án số 45/ST-HS ngày 13/3/1990 và bản án số 891/HSST ngày 08/12/1993 bởi vì theo Luật thi hành án dân sự thì Cơ quan Thi hành án phải ra quyết định chủ động thi hành án, khoản tiền bồi thường thì bị hại phải có đơn yêu cầu thi hành án, theo hồ sơ thể hiện thì không có nội dung này vì vậy bị cáo được coi như đã thi hành xong. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có công ăn việc làm và không có tài sản nên đề nghị giảm mức phạt bổ sung cho bị cáo mức phạt dưới 10 triệu đồng.

Bị cáo H nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Về tiền án của bị cáo H, hồ sơ thể hiện bị cáo chưa chấp hành xong án phí, tiền truy thu, tiền bồi thường, vì vậy theo quy định của pháp luật bị cáo chưa chấp hành xong 02 bản án nói trên. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm. Về tiền phạt bổ sung nhất trí với Luật sư, giảm một phần hình phạt bổ sung cho bị cáo, mức phạt bao nhiêu do Hội đồng xét xử quyết định.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 21/01/2019 tại tổ 11 phường QT, thành phố Thái Nguyên, H đã mua của một người nam giới (không rõ họ tên và địa chỉ) **75,916gam** ma túy loại Methamphetamine và Heroin với giá 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng). Khoảng 15 giờ, cùng ngày H bán cho Lê Duy Đ5 **2,601 gam** ma túy loại Methamphetamine với giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), số còn lại bị thu giữ khi bắt quả tang và khám xét ngày 23/01/2019. Sau khi mua được ma túy Đ5 cất giấu với mục đích để bán kiếm lời cho những người nghiện nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt quả tang như nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Duy Đ5 và Bùi Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội

của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Với hành vi nêu trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo: Bùi Đức H về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Duy Đ5 về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 BLHS:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

b, Methamphetamine ... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”.

[3]. Xét hành vi phạm tội của Bùi Đức H là đặc biệt nghiêm trọng; hành vi phạm tội của Lê Duy Đ5 là nghiêm trọng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Bùi Đức H có 02 tiền án và nhân thân rất xấu, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; bị cáo Đ5 chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải vì vậy cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Đ5 có mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo H phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo H về tình tiết giảm nhẹ và đề nghị giảm hình phạt bổ sung cho bị cáo H là phù hợp nên được chấp nhận.

[5]. Vật chứng vụ án: Số ma túy thu giữ của các bị cáo được niêm phong trong các phong bì niêm phong ký hiệu: Đ1, H5, H3, H4, K1 và 01 chiếc cân điện tử màu đen đã cũ cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ

luật hình sự, phạt các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước. Số tiền các bị cáo bán ma túy mà có cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Quá trình điều tra bị cáo H khai mua ma túy của một người nam giới (không rõ họ tên và địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ. Bị cáo Đ5 khai bán ma túy cho hai người nam giới tên Đ9, C1 (đều không rõ họ, tên đệm và địa chỉ) và một người nam giới bạn của C1 (cũng không rõ họ tên, địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh xử lý. Bản kết luận điều tra, Cơ quan điều tra xác định bị cáo Lê Duy Đ5 bán ma túy cho nhiều người nên đề nghị truy tố theo khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là không có căn cứ vì Đ5 khai bán ma túy cho 03 người nhưng Cơ quan điều tra không xác định được những người này và khối lượng ma túy Đ5 đã bán nên theo quy định pháp luật không được dùng lời nhận tội của bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội, vì vậy hành vi phạm tội của Đ5 chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Đ9 H và Lê Duy Đ phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Đức H 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019. Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000đ (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Duy Đ5 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Bùi Đức H, Lê Duy Đ5 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu đối với Bùi Đức H số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); Đối với Lê Duy Đ5 số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) do các bị cáo bán ma túy mà có.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu Đ1 trên mép dán niêm phong có chữ ký, ghi họ tên của Trần Việt Đ9, Nguyễn Thành Tr, Đỗ Văn Th và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 2,494gam Methamphetamine là mẫu hoàn lại sau giám định.

+ 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu H5 trên mép dán niêm phong có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Văn HX, Phạm Anh T3, Khổng Văn HE, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Thu Nh, Bùi Đức H và 03 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 68,634 gam Methamphetamine.

+ 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu K1 trên mép dán niêm phong có chữ ký, ghi họ tên của Đỗ Thu HQ, Trần Đức T4, Đỗ Văn T5 và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,094 gam Heroine là mẫu hoàn lại sau giám định.

+ 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu H3 trên mép dán niêm phong có chữ ký, ghi họ tên của Đỗ Thu HQ, Trần Đức T4, Đỗ Văn T5 và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 3,159 gam Methamphetamine là mẫu hoàn lại sau giám định.

+ 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu H4 trên mép dán niêm phong có chữ ký, ghi họ tên của Đỗ Thu HQ, Trần Đức T4, Đỗ Văn T5 và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 1,204 gam Methamphetamine là mẫu hoàn lại sau giám định.

+ 01 cân điện tử ghi chữ POCKET SCALE, màu đen.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục THADS tỉnh Thái Nguyên).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc các bị cáo Bùi Đức H và Lê Duy Đ5, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Minh Tuấn